

Số: 48/BC-THMN

Mường Nhà, ngày 03 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

Cung cấp thông tin phục vụ khảo sát, xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2026

Kính gửi:

- Thanh tra tỉnh Điện Biên
- UBND xã Mường Nhà
- Phòng Văn hóa - xã hội xã Mường Nhà

Thực hiện văn bản số 1330/TTr-PCTNTC ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Thanh tra Tỉnh Điện Biên về việc cung cấp thông tin phục vụ khảo sát, xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2026. Trường PTDTBT TH Mường Nhà báo cáo nội dung cụ thể như sau:

I. Khái quát chung

Khái quát về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động và những vấn đề liên quan đến kết quả hoạt động của đơn vị thời kỳ từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo.

Trường PTDTBT Tiểu học xã Mường Nhà là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của UBND xã Mường Nhà kể từ ngày 01/7/2025. Trường PTDTBT Tiểu học Mường Nhà, xã Mường Nhà, tỉnh Điện Biên được thành lập theo Quyết định số 152/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân xã Mường Nhà.

Trường PTDTBT Tiểu học Mường Nhà là cơ sở giáo dục phổ thông công lập của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã Mường Nhà

Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tạo ban hành. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động trẻ em tàn tật, khuyết tật, trẻ em đã bỏ học đến trường, thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục và chống mù chữ trong cộng đồng. Tổ chức kiểm tra và công nhận hoàn thành chương trình của học sinh trong nhà trường. Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật. Phối hợp với gia đình, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện hoạt động giáo dục. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng

dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ GD&ĐT, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Việc chi trả chế độ cho giáo viên thực hiện theo NĐ 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 quy định chế độ phụ cấp và trợ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đối với giáo viên, điều này bao gồm các chế độ như trợ cấp thâm niên, phụ cấp thu hút và phụ cấp ưu đãi nghề, tùy thuộc vào khu vực công tác.

Các văn bản pháp luật liên quan đến công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách; việc chi trả chế độ cho giáo viên và học sinh trong thời kỳ báo cáo.

Nghị định 60/2021 NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TTBTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lượng lương vũ trang;

Nghị định 76/2019/ NĐ-CP ngày 10/08/2019 về chính sách cán bộ công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - đặc biệt khó khăn;

Phụ cấp trách nhiệm cho giáo viên trường bán trú được quy định theo hệ số 0,30 so với mức lương tối thiểu chung, áp dụng cho giáo viên trường phổ thông dân tộc bán trú theo Thông tư liên tịch 06/2007/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 27/3/2007 hướng dẫn thực hiện NĐ số 61/2006/NĐ- CP ngày 20/6/2006 của chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;

Nghị định 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 quy định về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

Quyết định 15/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 về phụ cấp dạy lớp ghép đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập;

Nghị định 28/2012/NĐ-CP Ngày 10/4/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật người khuyết tật;

Thông tư 02/2005/TT- BNV ngày 5/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Thông tư 07/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Thông tư số 11/2005/TT-BNV ngày 05/1/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 nay là nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, sinh viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng vãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Nghị định 81/2021 NĐ-CP ngày 27/8/2021 nay là Nghị định 238/2025/ NĐ-CP ngày 03/9/2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên, dân tộc thiểu số rất ít người;

Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT BLĐTBXH- BTC quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Đánh giá chung về kết quả đã đạt được, chưa đạt được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách; việc chi trả chế độ cho giáo viên và học sinh.

Trong giai đoạn 2023-2025, đơn vị đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm được cấp trên giao, bảo đảm tiến độ, chất lượng. Một số chỉ tiêu đạt theo kế hoạch đề ra như tuyển sinh đầu cấp, chất lượng dạy và học, chi trả tiền lương cho cán bộ giáo viên, nhân viên kịp thời; một số chỉ tiêu còn gặp khó khăn như chế độ chính sách học sinh bán trú, chi phí học tập, hỗ trợ dân tộc rất ít người chi trả cho học sinh còn chậm do cấp trên phân bổ nguồn kinh phí chưa kịp thời.

a. Kết quả thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của nhà trường:

Công khai, minh bạch trong cung cấp thông tin về cơ chế chính sách, thủ tục hành chính, các chế độ, định mức, tiêu chuẩn... gắn với việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan.

Công khai theo Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 và Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. Kết quả xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn: Nhà trường ban hành các văn bản về: Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

Thực hiện nghiêm túc việc sử dụng ngân sách theo dự toán được giao, thanh toán các khoản chi theo đúng quy định, xây dựng kế hoạch và các định mức chi hằng năm như: Tiền lương, thưởng, công tác phí, hội họp...

c. Kết quả thực hiện cải cách hành chính:

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết, giảm phiền hà cho CMHS.

Thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai, minh bạch thủ tục hành chính để các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

d. Kết quả đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản 100% CB, GV, NV nhà trường được trả lương và các khoản thu nhập khác qua Tài khoản. 100% HS nhà trường được thanh toán các khoản chế độ được hưởng theo quy định của nhà nước.

II. Báo cáo kết quả thực hiện thời kỳ từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo

A. Việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí và kết quả triển khai thực hiện.

a. Quản lý ngân sách nhà nước

- Việc lập dự toán chi thường xuyên được thực hiện theo yêu cầu và hướng dẫn của cấp trên. Cụ thể:

Đơn vị lập dự toán dựa trên nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan có thẩm quyền quy định.

Dự toán được xây dựng theo biểu mẫu, nội dung quy định, sau đó gửi về cấp trên để đối chiếu, kiểm tra, tổng hợp, sau đó phản hồi lại hoặc điều chỉnh (nếu có).

Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ:

Hàng năm, đơn vị tổ chức họp Hội đồng để xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quy chế được soạn thảo thành văn bản dự thảo, gửi tới các thành viên Hội đồng để thảo luận, góp ý.

Sau khi thống nhất, quy chế được thông qua, ban hành và tổ chức thực hiện công khai, minh bạch trong toàn đơn vị.

- Công tác quyết toán ngân sách hàng năm:

Đơn vị thực hiện quyết toán ngân sách theo công văn hướng dẫn của Phòng Giáo dục.

Việc lập quyết toán đảm bảo đúng biểu mẫu, đúng thời hạn, phản ánh trung thực, khách quan tình hình sử dụng ngân sách.

Hồ sơ quyết toán gửi về Phòng Giáo dục để thẩm tra, tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền.

b. Sử dụng ngân sách nhà nước

- Thực hiện chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

c. Công tác quyết toán ngân sách hàng năm:

Đơn vị thực hiện quyết toán ngân sách theo công văn hướng dẫn của Phòng Giáo dục.

Việc lập quyết toán đảm bảo đúng biểu mẫu, đúng thời hạn, phản ánh trung thực, khách quan tình hình sử dụng ngân sách.

Hồ sơ quyết toán gửi về Phòng Giáo dục để thẩm tra, tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền.

Kết quả chi trả đúng theo quy định về các chế độ cho giáo viên và học sinh, đầy đủ giấy tờ chi trả và quyết toán hàng năm kịp thời với cơ quan cấp trên.

B. Việc triển khai, thực hiện chế độ đối với học sinh và kết quả thực hiện.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết, giảm phiền hà cho CMHS.

Về việc chi trả chế độ chính sách cho học sinh nhà trường đã triển khai việc thực hiện huy động cho phụ huynh mở tài khoản ngân hàng. Kết quả đến nay chưa đạt được 100% HS có tài khoản, nhà trường thanh toán các khoản chế độ học sinh được hưởng theo quy định của nhà nước đầy đủ.

C. Việc triển khai và tổ chức thu với các khoản thu theo quy định.

nhà trường đã triển khai các khoản thu theo Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh;

D. Đánh giá việc quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí.

*** Sơ lược về tình hình đội ngũ giáo viên, người lao động, học sinh của nhà trường từ năm 2023 đến nay**

Năm học	Số lớp	Số GV, NLĐ	Số học sinh
Năm học 2022-2023	24	45	523
Năm học 2023-2024	24	45	534
Năm học 2024-2025	23	43	538
Năm học 2025-2026	25	43	566

*** Tổng hợp kinh phí và quyết toán kinh phí trong thời kỳ báo cáo.**

Số TT	Nội dung	Tổng cộng	KP tự chủ	KP không tự chủ
I	2023			
1	Kinh phí năm trước chuyển sang			-
2	Kinh phí giao trong năm	10.325.894.201	8.821.874.201	1.414.020.000
3	Kinh phí được sử dụng	10.325.894.201	8.821.874.201	1.414.020.000
4	Kinh phí đã sử dụng	10.325.894.201	8.821.874.201	1.414.020.000

5	Kinh phí giảm trong năm			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
I	2024			
1	Kinh phí năm trước chuyển sang			
2	Kinh phí giao trong năm	12.437.081.202	10.616.161.690	1.820.919.512
3	Kinh phí được sử dụng	12.437.081.202	10.616.161.690	1.820.919.512
4	Kinh phí đã sử dụng	12.437.081.202	10.616.161.690	1.820.919.512
5	Kinh phí giảm trong năm			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			
II	2025			
1	Kinh phí năm trước chuyển sang			
2	Kinh phí giao trong năm	14.512.119.474	12.114.814.714	2.397.304.760
3	Kinh phí được sử dụng	14.512.119.474	12.114.814.714	2.397.304.760
4	Kinh phí đã sử dụng	6.930.244.829	5.721.296.829	1.208.948.000
5	Kinh phí giảm trong năm			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			

*** Biểu tổng hợp nguồn kinh phí hỗ trợ học sinh trong thời kỳ báo cáo.**

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Kinh phí chế độ bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP, Nghị định 66/2025/NĐ-CP			
1	Kinh phí được giao	839.250.000	1.094.749.500	1.351.090.000
2	Kinh phí đã sử dụng	839.250.000	1.094.749.500	738.855.000
3	Kinh phí chưa sử dụng			612.235.000
4	Số học sinh được hưởng chế độ	125	140	159
II	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù			

	miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP, Nghị định 97/2023/NĐ-CP			
1	Kinh phí được giao	402.400.000	272.750.000	272.700.000
2	Kinh phí đã sử dụng	402.400.000	272.750.000	153.750.000 -
3	Kinh phí chưa sử dụng			118.950.000
4	Số học sinh được hưởng chế độ	223	202	189
III	Kinh phí hỗ trợ trẻ ăn trưa theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP			
1	Kinh phí được giao			
2	Kinh phí đã sử dụng			
3	Kinh phí chưa sử dụng			
4	Số học sinh được hưởng chế độ			
IV	Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH BTC ngày 31/12/2013			
1	Kinh phí được giao	11.720.000	37.152.000	71.390.000
2	Kinh phí đã sử dụng	11.720.000	37.152.000	37.440.000
3	Kinh phí chưa sử dụng			33.950.000
4	Số học sinh được hưởng chế độ	1	4	4
V	Các chế độ khác (nếu có)			
1	Kinh phí được giao	162.680.000	217.660.000	164.220.000
2	Kinh phí đã sử dụng	162.680.000	217.660.000	164.220.000
3	Kinh phí chưa sử dụng			

4	Số học sinh được hưởng chế độ	125	126	119 1
---	-------------------------------	-----	-----	----------

*** Biểu tổng hợp các nguồn thu trong thời kỳ báo cáo.**

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Thu học phí			
1	Tổng thu			
2	Tổng chi			
3	Kinh phí chưa sử dụng			
II	Thu dịch vụ cung cấp nước uống			
1	Tổng thu	6.678.000	12.100.000	
2	Tổng chi	3.728.000	15.050.000	
3	Kinh phí chưa sử dụng	2.950.000	-	
III	Thu dịch vụ dọn vệ sinh			
1	Tổng thu	4.727.000	9.990.000	32.880.000
2	Tổng chi	2.957.000	11.760.000	32.880.000
3	Kinh phí chưa sử dụng	1.770.000	-	-
IV	Thu dịch vụ ăn bán trú			
1	Tổng thu			
2	Tổng chi			
3	Kinh phí chưa sử dụng			
V	Thu dịch vụ trông xe	-	-	-
1	Tổng thu			
2	Tổng chi			
3	Kinh phí chưa sử dụng			
VI	Các nguồn thu khác (nếu có)	-	-	-
1	Quỹ vận động tài trợ	191.455.000	127.650.000	73.991.000
2	Tổng chi	168.150.000	147.005.000	77.941.000
3	Kinh phí chưa sử dụng	23.305.000	3.950.000	-

g. Công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách; việc chi trả chế độ cho giáo viên và học sinh thời kỳ từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo.

- Trong giai đoạn 2023-2025 có 01 cuộc kiểm tra toàn diện của Phòng GD&ĐT huyện thực hiện.

Đơn vị nghiêm túc thực hiện các kiến nghị, kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền. Các sai sót đã được khắc phục, không phát sinh vụ việc tham nhũng xảy ra.

Hàng năm nhà trường đã được Phòng GD&ĐT huyện thẩm định duyệt quyết toán cũng đã chỉ ra những ưu nhược điểm và các vấn đề cần khắc phục.

III. Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Nhà trường tổ chức tốt việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn ngân sách được cấp và khoản quỹ Dịch vụ do học sinh đóng góp.

- Tồn tại, hạn chế: Do địa bàn dân cư ở xa trung tâm (việc thực hiện đề án 06 không dùng tiền mặt) không đạt kết quả 100% do người dân ở xa không mở được tài khoản, một số không biết chữ, không có điện thoại thông minh, không hiểu không biết tiếng phổ thông ...

- Kiến nghị, đề xuất: Không

Trên đây là báo cáo của trường PTDTBT Tiểu học Mường Nhà.

*** Nơi nhận:**

- Thanh tra tỉnh
- UBND xã Mường Nhà
- Phòng VH-XH xã;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nông Quỳnh Lưu